TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ MỸ HÀO** TỈNH HƯNG YÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 21/2022/HSST
Ngày 25/3/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ MỸ HÀO – TỈNH HƯNG YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Tuấn Trọng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Xuân Hùng và ông Nguyễn Xuân Khải.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Luật - Cán bộ Toà án nhân dân thị xã Mỹ Hào.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Phượng - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Mỹ Hào.

Ngày 25/3/2022, tại trụ sở, Toà án nhân dân thị xã Mỹ Hào mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 10/2022/HSST ngày 27/01/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/HSST - QĐ ngày 23/02/2022 đối với bị cáo:

L V H, sinh năm 1990, tại huyện T Gi, tỉnh Đ B; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: B H, xã Q T, huyện T Gi, tỉnh Đ B; Chỗ ở: Thôn H, xã L X, huyện Y M, tỉnh H Y; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông L V M, sinh năm 1969 và bàQ T D, sinh năm 1972; Có vợ là H Th H, sinh năm 1995 và 01 con sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ từ ngày 17/11/2021, đến ngày 20/11/2021 được thay đổi bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã L X, huyện Y M, tỉnh H Y; Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo L V H: Bà V Th Th Nh, Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tỉnh H Y; Có mặt.

Bị hại:

1. Chị H Th H, sinh năm 1996; Địa chỉ: B B, xã Q M, huyện V H, tỉnh S L.

2. Chị L H D, sinh năm 2001; Địa chỉ: Thôn Đ T, xã L Kh, huyện C C, tỉnh Ng A.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà D Th Ph, sinh năm 1965; Địa chỉ: Phố Nh Q, thị trấn Nh Q, huyện V L, tỉnh H Y.

2. Anh B V Tr, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn Th X, xã N H, huyện Y M, tỉnh H Y.

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

L V H là công nhân của Công ty trách nhiệm hữu hạn N T(gọi tắt Công ty N T) thuộc tổ dân phố Ph B, phường D S, thị xã M H, tỉnh H Y. Do không có tiền nên H nảy sinh ý định trộm cắp tài sản trong Công ty N T mang bán lấy tiền tiêu sài.

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 09/11/2021, H cầm theo chiếc chìa khóa xe đạp điện đi bộ từ phòng trọ ở Thôn H đến Công ty N T mục đích lấy trộm tài sản, H đi vào nhà để xe của công nhân ở tầng 1 thì phát hiện dưới gầm cầu thang đi lên tầng 2 dựng chiếc xe đạp điện dán mác LUCK OSAKA, loại 133M, sơn màu đỏ của chị H Th H là công nhân của Công ty N T, H đi lại gần chiếc xe đạp điện nói trên rồi lấy trong người ra chiếc chìa khóa xe đạp điện mang đi từ trước cắm vào ổ khóa xe đạp điện thì mở được, H ngồi lên xe điều khiển xe đi về. Trên đường về, H vào quán cầm đồ Th Đ, địa chỉ ở thôn c, xã Ngh H, huyện Y M, gặp anh B V Tr là chủ quán cầm đồ, H nói: "Em muốn cầm chiếc xe đạp điện này", anh Tr hỏi: "Xe của ai, muốn cầm bao nhiêu", H nói: "Xe của em, em muốn cầm 3.000.000 đồng", anh Trnói: "Xe này cầm được 2.500.000 đồng thôi", H đồng ý, giao xe đạp điện lấy trộm của chị Hcho anh Tr. Anh Tr đưa cho Hải số tiền 2.500.000 đồng, H cầm tiền đi về. Đến trưa ngày 10/11/2021 H đến cửa hàng cầm đồ Th Đ gặp anh Tr, Hải nói: "Em muốn bán chiếc xe đạp điện cầm đồ hôm trước", anh Tr đồng ý. Hai bên thỏa thuận với giá 2.900.000 đồng, anh Tr đưa thêm cho H 400.000 đồng, H cầm tiền đi về.

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 12/11/2021 H đi bộ và mang theo chìa khóa xe đạp điện đến Công ty N T để trộm cắp tài sản. Lúc này là thời điểm giao ca, H đi vào nhà để xe thì phát hiện gần cửa ra vào có dựng chiếc đạp điện dán mác TH BIKE, loại 133M của chị L H D là công nhân của Công ty N T, H đi lại gần chiếc xe đạp điện, ngồi lên xe rồi lấy trong người ra chiếc chìa khóa xe đạp điện mang đi từ trước cắm vào ổ khóa điện thì mở được. Sau đó H điều khiển xe đạp điện đi đến thị trấn Nh Q, huyện V L, tỉnh H Y vào cửa hàng mua bán xe đạp điện, gặp bà D Th Ph, H nói: "Cô có mua xe này không", bà Ph hỏi: "Xe của ai", H nói: "Xe của cháu", bà Ph hỏi: "Bao nhiêu", H nói: "3.000.000 đồng", bà Ph trả 2.600.000 đồng, H đồng ý rồi giao chiếc xe đạp điện lấy trộm của chị D,

cùng chiếc chìa khóa xe đạp điện của H cho bà Ph, bà Ph nhận xe và đưa cho H số tiền 2.600.000 đồng.

Đến ngày 15/11/2021, H đến cửa hàng cầm đồ Th Đ mua lại của anh Tr chiếc xe đạp H lấy trộm của chị H ngày 09/11/2021 với giá 3.100.000 đồng. Đến ngày 17/11/2021 H đã đến Công an thị xã M H đầu thú và giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã M H 01 chiếc xe đạp điện dán mác LUCK OSAKA, loại 133M sơn màu đỏ, 01 chiếc chìa khóa bằng kim loại sáng màu có tay cầm bọc nhựa màu đen và số tiền 2.600.000 đồng.

Ngày 17/11/2021 chị H Th H và chị L H D làm đơn trình báo đến Công an thị xã M H.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã M Hcho L V H chỉ dẫn đến nơi thực hiện hành vi phạm tội, tiến hành khám nghiệm hiện trường,khám xét khẩn cấp chỗ ở của L V HtạiThôn H, xã L X, huyện Y M, tỉnh H Y, kết quả khám xét không thu giữ gì.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 57/KL-HĐ ngày 19/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản thị xã M H, kết luận:01 xe đạp điện dán mác LUCK OSAKA , loại 133M, sơn màu đỏ có giá trị là 3.500.000 đồng và 01 chiếc xe đạp điện dán mác TH BIKE, loại 133M, sơn màu đỏ có giá trị là 2.600.000 đồng.

Quá trình điều traL V H thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, H khai: 02 chiếc chìa khóa H sử dụng để trộm cắp xe đạp điện của chị H ngày 09/11/2021 và của chị D ngày 12/11/2021 là của H nhặt được khi đi thuê phòng trọ. Số tiền H mua lại xe của anh Tr là 3.100.000 đồng là tiền của H bán xe đạp điện cho anh Tr lúc trước và tiền do H đi làm tích cóp từ trước có được.

Bà D Th Ph khai: Ngày 12/11/2021,bà Ph mua của L V H chiếc xe đạp điện dán mác TH BIKE, loại 133M, sau đó bà Ph đã bán chiếc xe đạp điện trên cho khách hàng không biết tên, tuổi, địa chỉ nên Cơ quan quan điều tra không thu giữ được.

Đối với 01chiếc xe đạp điện dán mác LUCK OSAKA loại 133M, 01 chiếc chìa khóa xe đạp điện và số tiền 2.600.000 đồng mà H giao nộp cho Cơ quan điều tra. Quá trình điều tra xác định chiếc xe đạp điện nói trên là tài sản của chị H Th H. Ngày 20/11/2021 Cơ quan điều tra trả lại chiếc xe đạp điện nói trên cho chị H, chị H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu đề nghị gì. Đối với số tiền 2.600.000 đồng là tiền H bán xe đạp điện lấy trộm của chị L H D. Ngày 20/11/2021 Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị D số tiền nói trên, chị D đã nhận lại tiền và không yêu cầu đề nghị gì.

Đối với anh B V Tr và bà D Th Ph đã mua xe đạp điện do H phạm tội mà có. Quá trình điều tra xác định anh Tr mua xe đạp điện dán mác LUCK OSAKA loại 133M của H,bà Ph mua xe đạp điện dán mác TH BIKE, loại 133M của H. Anh

Tr và bà Ph đều không biết các xe đạp điện nêu trên là tài sản do H phạm tội mà có nên không đủ căn cứ để xử lý đối với anh Tr và bà Ph.

Tại bản Cáo trạng số 15/CT-VKSMH ngày 26/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã M H truy tố bị cáo L V H về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa:

+ Bị cáo thành khẩn khai nhận các hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho mình.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M H giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Xử phạt: Bị cáoL V H01năm03 tháng tù - 01 năm 06 tháng tù, được trừ thời hạn tạm giữ là 03 ngày, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Vật chứng và nghĩa vụ chịu án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Người bào chữa cho bị cáo L V H nhất trí với tội danh và điều luật truy tố đối với H, nhất trí với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng cho H theo đề nghị của Viện kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức hình phạt thấp nhất đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra và phù hợp khách quan với biên bản bị cáo chỉ dẫn đến vị trí lấy trộm tài sản, biên bản trích sao camera; biên bản khám nghiệm, sơ đồ, bản ảnh hiện trường; đơn trình báo và lời khai của bị hại là các chị H Th H và L H D; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tham gia mua bán các tài sản H chiếm đoạt là bà Ph và anh Tr; vật chứng đã thu giữ, kết

luận định giá tài sản, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ xác định: Khoảng 19 giờ 30 phút các ngày 09/11/2021 và 12/11/2021, tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn N T, có trụ sở tại Tổ dân phố Ph B, phường D S, thị xã M H, tỉnh H Y, lợi dụng thời điểm công nhân giao ca, công ty mở cổng, tài sản của công nhân để tại lán xe không có người trông giữ, L V H đã lén lút chiếm đoạt chiếc xe đạp điện nhãn hiệu LUCK OSAKA, loại 133M, có giá trị 3.500.000 đồng của chị H Th H và chiếc xe đạp điện nhãn hiệu TH BIKE, loại 133M, có giá trị 2.600.000 đồng của chị L H D đều là công nhân của công ty, để xe tại lán để vào xưởng làm việc. Tổng giá trị tài sản H chiếm đoạt là 6.100.000 đồng. Sau đó, H đến Công an thị xã M H đầu thú.

[3] L V H lợi dụng chủ sở hữu là các công nhân không có biện pháp trông giữ tài sản là phương tiện đi làm để lén lút chiếm đoạt đã thoả mãn đầy đủ dấu hiệu cấu thành tội Trộm cắp tài sản. Tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị dưới 50.000.000 đồng, nên Viện kiểm sát nhân dân thị xã M H truy tố bị cáo L V H về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] L V H 02 lần lấy trộm tài sản và giá trị tài sản chiếm đoạt của mỗi lần đều trên 2.000.000 đồng, nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

[5] Bị cáo cũng là công nhân của Công ty Trách nhiệm hữu hạn N T, trong thời gian ngắn đã liên tiếp lấy trộm tài sản của các công nhân làm việc cùng với mình, không chỉ gây tâm lý lo lắng cho bị hại, mà còn ảnh hưởng xấu tới an ninh, trật tự tại công ty, bị dư luận xã hội lên án mạnh mẽ. Cho nên cần áp dụng hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo ý thức tuân thủ pháp luật, cũng như đáp ứng yêu cầu đấu tranh chống loại tội phạm này tại địa phương.

[6] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét, sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú và khai báo thành khẩn, có thái độ ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội; đã tự nguyện trả lại tài sản chiếm đoạt cho chị H và bồi thường giá trị tài sản chiếm đoạt cho chị D; bị cáo là người dân tộc thiểu số, cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Cho nên, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[7] Bị cáo không có công việc ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Bị cáo đã trả lại tài sản chiếm đoạt cũng như bồi thường giá trị tài sản chiếm đoạt cho bị hại, đồng thời các bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm, nên phần trách nhiệm dân sự không đặt ra giải quyết.

[9] Chiếc chìa khóa bị cáo giao nộp là phương tiện được bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, nên tịch thu, cho tiêu hủy.

[10] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

2. Tuyên bố: Bị cáo L V H phạm tội Trộm cắp tài sản.

3. Xử phạt: Bị cáoL V H01 (một) năm03 (ba) tháng tù, được trừ thời hạn tạm giữ là 03 ngày, còn phải chấp hành tiếp 01 (một) năm 02 (hai) tháng 27 (hai mươi bẩy) ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

4. Tịch thu, cho tiêu hủy 01 chiếc chìa khóa bằng kim loại sáng màu có tay cầm bọc nhựa màu đen.

5. Án phí: Bị cáo L V H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm;

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh H Y;
- VKSND thị xã M H;
- CQĐT, THA Hình sự thị xã M H;
- THA Dân sự thị xã M H;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu VP;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hoàng Tuấn Trọng

;